TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIỄN CHÂU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: **16**/2021/HNGĐ-ST*
Ngày: 23/4/2021
Về việc: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Đức Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Phương và bà Nguyễn Thị Dung

-***Thư ký ghi biên bản phiên toà***: bà Cao Thị Vân – Thẩm tra viên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên toà: Ông Lê Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Diễn Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 113/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2021/QĐST - HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1956

Địa chỉ: xóm 1, xã Diễn X, huyện D, tỉnh Nghệ An

(có đơn xin xử vắng mặt)

- ***Bị đơn***: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1958

Nơi ĐKHKTT: xóm 1, xã Diễn X, huyện D, tỉnh Nghệ An

Hiện đang chấp hành án tại đội 36, phân trại 3, trại giam số 6, xã Hạnh Lâm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

(có đề nghị xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 12 năm 2020, được bổ sung tại Biên bản lấy lời khai khai ngày 09/03/2021, nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị L kết hôn với nhau vào ngày 07/9/1980, hôn nhân trên cơ cơ sở tự nguyện có đăng kí kết hôn tại UBND xã Diễn Xuân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Sau ngày cưới hai vợ chồng chung sống với nhau bình thường hạnh

phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn do bà L không quan tâm, chăm sóc gian đình, làm tròn bổn phận của người vợ, người mẹ mà chỉ lo tiêu xài, bán hết tài sản trong nhà, lừa đảo vay tiền khắp nơi để phục vụ nhu cầu cá nhân, đã nhiều lần bị bắt và đưa ra xét xử nhưng bà L không sửa đổi và hiện đang phải chấp hành án tù tại Trại giam số 6 Thanh Chương. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bao nhiêu của nả ông xây dựng và làm ra thì bà L đã phá hết, nhà cửa cũng bị cưỡng chế để thi hành án, ông phải đứng ra chuộc lại cho các con, ông cũng đã cao tuổi, sức khỏe yêu dần và tinh thần cũng rất mệt mỏi nên ông muốn ly hôn để sống những năm tháng tuổi già thảnh thơi.

Về con chung: Vợ chồng ông có bốn con chung là Phạm Văn T2, sinh ngày 04/9/1982, Phạm Thị L2, sinh ngày 01/8/1985, Phạm Văn Tú, sinh ngày 01/01/1987 và Phạm Thị Th, sinh ngày 06/10/1992. Hiện nay các con đều đã trưởng thành, có gia đình riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tài sản chung và nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Mặt khác, hiện nay bà L đang chấp hành án nên không thể trực tiếp đến Tòa để tham gia giải quyết tại Tòa án; bản thân ông do tuổi cao, đi lại khó khăn nên ông cũng có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và thực hiện các thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, ông cũng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện Diễn Châu đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, tống đạt giao nhận đơn khởi kiện kèm theo các tài liệu do ông Phạm Văn T nộp, các văn bản tố tụng của Tòa án, lấy lời khai đối với bà Nguyễn Thị L tại Trại giam số 6, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Tại Bản tự khai đề ngày 30/03/2021 viết tại Trại giam số 6, bà Nguyễn Thị L thống nhất với các nội dung ông T đã trong đơn khởi kiện, bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Phạm Văn T; về con chung: vợ chồng có bốn con chung nhưng hiện nay các con chung của ông bà đều đã trưởng thành; tài sản chung và nợ: bà không yêu cầu giải quyết. Bà Nguyễn Thị L đã nhận được đầy đủ các tài liệu, văn bản và công nhận các tài liệu do ông T giao nộp là thật, bà không có ý kiến gì đối với các văn bản tố tụng liên quan đến quá trình giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu. Do hiện nay đang chấp hành án nên bà đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bà theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến tại phiên tòa, Kiểm sát viên đánh giá trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và hội đồng xét xử đó tiến hành đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; Tòa án mở phiên tòa đúng thời

hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định tại điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Toà án áp dụng các điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, giải quyết cho ông Phạm Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị L; về con chung: các con chung Phạm Văn T2, sinh ngày 04/9/1982, Phạm Thị L2, sinh ngày 01/8/1985, Phạm Văn Tú, sinh ngày 01/01/1987 và Phạm Thị Th, sinh ngày 06/10/1992 đều đã trưởng thành, nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu giải quyết nên miễn xét; Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; đương sự phải chịu án phí theo quy định nhưng ông Phạm Văn T (sinh năm 1958) là người cao tuổi nên được miễn án phí theo điều 12, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 điều 28 BLTTDS. Bị đơn bà Nguyễn Thị L có đăng kí hộ khẩu tại xã Diễn Xuân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 BLTTDS. Quá trình giải quyết tại tòa án, ông Phạm Văn T có mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị L do hiện đang chấp hành án phạt tù, không trực tiếp đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án nhưng Tòa án thực hiện đầy đủ các thủ tục lấy lời khai, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định. Nguyên đơn có đơn và bị đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Vì vậy, căn cứ vào điểm b, khoản 2 điều 227; khoản 1, điều 228, điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông T và bà L.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng: Hôn nhân giữa ông T và bà L là hoàn toàn hợp pháp, việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì xảy ra mâu thuẫn do bà L nhiều lần thực hiện các hành vi phạm pháp, gây ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình và đã bị kết án về các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Trộm cắp tài sản", hiện đang phải chấp hành án phạt tù nên hai vợ chồng ông bà đã sống ly thân nhau từ lâu và cắt đứt mọi quan hệ vợ chồng. Quá trình giải quyết cả ông T và bà L đều xác định không còn tình cảm gì với nhau nữa, không có khả năng đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung vợ

chồng, Ông T đã thực sự mệt mỏi về tinh thần và muốn kết thúc cuộc hôn nhân giữa ông và bà L để tìm lại phút thảnh thơi tuổi già. Điều đó chứng tỏ rằng mối quan hệ giữa ông T và bà L đã thực sự rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được, bởi vậy cần áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết cho ông Phạm Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có bốn con chung: Phạm Văn T2, sinh ngày 04/9/1982, Phạm Thị L2, sinh ngày 01/8/1985, Phạm Văn Tú, sinh ngày 01/01/1987 và Phạm Thị Th, sinh ngày 06/10/1992. Nay các con chung đều đã trưởng thành, ông T và bà L cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4]. Về tài sản chung: Ông T và bà L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5]. Án phí: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1958 (63 tuổi) là người cao tuổi (điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009) nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án, nên căn cứ điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, cần tuyên trả lại cho ông Phạm Văn T số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0001877 ngày 21/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diễn Châu.

[6]. Về quyền kháng cáo: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 điều 28; điều 35; điều 39, điều 147; điểm b, khoản 2 điều 227; khoản 1, điều 228; điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56; điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điều 12, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

[1]. Quan hệ hôn nhân**:** Xử cho ông Phạm Văn T được ly hôn bà Nguyễn Thị L.

[2]. Về con chung: Các con chung Phạm Văn T2, sinh ngày 04/9/1982, Phạm Thị L2, sinh ngày 01/8/1985, Phạm Văn Tú, sinh ngày 01/01/1987 và Phạm Thị Th, sinh ngày 06/10/1992 đều đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

[3]. Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Án phí: Ông Phạm Văn T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án. Trả lại cho ông Phạm Văn T số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0001877 ngày 21/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diễn Châu.

[5]. Về quyền kháng cáo: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị L vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Nghệ An;*
- *VKSND huyện Diễn Châu;*
- *Chi cục THA dân sự Diễn Châu;*
- *UBND xã Diễn Xuân;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, lưu VP.*

Vũ Đức Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIấN TOÀ

Vũ Đức Thúy